

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21-10-2019
V/v tranh chấp về ly hôn, về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Tới;

Ông Lâm Văn Trường.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Tiên Danh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp về ly hôn, về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị TH, sinh năm 1987. Có mặt

Địa chỉ cư trú: khu phố X, thị trấn Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn Hồng T, sinh năm 1983. Vắng mặt

Địa chỉ cư trú: khu phố X, thị trấn Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16-9-2019 và trong quá trình làm việc, nguyên đơn chị Nguyễn Thị TH trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Hồng T tự nguyện chung sống vào năm 2007, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn X, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 51 ngày 30-7-2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khi chị mang thai. Tuy nhiên, sau khi chị sinh con thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên hành hạ, đánh đập chị, từ đó làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên vào năm 2017 chị làm đơn yêu cầu ly hôn với anh T tại Tòa án nhưng sau đó anh T cam kết sửa đổi nên chị rút đơn khởi kiện để hòa giải hàn gắn. Nhưng từ đó

cho đến nay chị và anh T không hòa giải hàn gắn được, vợ chồng ly thân từ tháng 5-2019 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Hồng T.

- Về con chung: Chị và anh T có một con chung tên Nguyễn Hùng S, sinh ngày 24-7-2008, hiện đang sống với anh T. Khi ly hôn, chị và anh T thỏa thuận giao cháu S cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ ai.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Hồng T đã khai: Về quan hệ hôn nhân anh thống nhất như lời trình bày của chị TH. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn hợp nhau về tính tình và thừa nhận trong lúc vợ chồng gây gổ có đánh chị TH, từ đó làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Đến năm 2017 chị TH nộp đơn yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó chị TH rút đơn khởi kiện để hòa giải hàn gắn nhưng không thành; vợ chồng ly thân từ tháng 5-2019 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên anh chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị TH.

- Về con chung: anh và chị TH có một con chung tên Nguyễn Hùng S, sinh ngày 24-7-2008, hiện đang sống với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu S, không yêu cầu chị TH cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh và chị TH tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh cam kết không có nợ ai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo qui định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị TH đối với anh Nguyễn Văn Hồng T.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị TH phải chịu án phí theo qui định của pháp luật, anh Nguyễn Văn Hồng T không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị TH có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết hôn nhân giữa chị TH và anh Nguyễn Văn Hồng T. Anh T có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo qui định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T là đúng qui định.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị TH và anh Nguyễn Văn Hồng T sống chung vào năm 2007, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 30-7-2007 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống chị TH và anh T đều thừa nhận có phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, thời gian ly thân đã lâu, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh T chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị TH. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị TH, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị TH đối với anh T là có cơ sở chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị TH và anh T thống nhất một con chung tên Nguyễn Hùng S, sinh ngày 24-7-2008. Chị TH và anh T thỏa thuận giao cháu S cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng; anh T không yêu cầu chị TH cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ ngày ly thân anh T chăm sóc con tốt, đảm bảo các điều kiện cho con; việc thỏa thuận nuôi con giữa chị TH và anh T phù hợp với nguyện vọng của cháu S. Do đó, giao cháu S cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị TH và anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Buộc chị TH phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị TH đối với anh Nguyễn Văn Hồng T. Chị TH được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hùng S, sinh ngày 24-7-2008 cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị TH cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở chị TH trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị TH và anh T không yêu cầu nên không

đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị TH phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị TH đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: **0022168** ngày 16-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Nguyễn Văn Hồng T không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị TH có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Hồng T có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND thị trấn Y (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu